

Số: 171 /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 14 tháng 11 năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai lập quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2025 - 2026

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông báo số 15/TB-UBND ngày 07/7/2025 của UBND tỉnh về việc kết luận của đồng chí Võ Tấn Đức - Chủ tịch UBND tỉnh tại Hội nghị giao ban kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh tháng 6 và đánh giá 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025;

Căn cứ Thông báo số 310/ TB-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh về việc kết luận của đồng chí Võ Tấn Đức - Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi làm việc nghe báo cáo tình hình hồ sơ quy hoạch chung các đô thị; quy hoạch phân khu, quy hoạch chung các xã, phường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Sau khi xem xét Báo cáo số 186/BC-SoXD ngày 27/10/2025 của Sở Xây dựng tại, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai lập quy hoạch đô thị và nông thôn giai đoạn 2025 - 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Thực hiện lập quy hoạch chung, quy hoạch phân khu theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; phấn đấu đến 2026 các phường, xã được phủ kín quy hoạch chung theo quy định, làm căn cứ pháp lý và công cụ quản lý đầu tư xây dựng thống nhất trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh và an sinh xã hội; nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, tạo sự đồng bộ giữa quy hoạch tỉnh với quy hoạch vùng, quy hoạch quốc gia và quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh; góp phần thu hút đầu tư, huy động nguồn lực xã hội cho phát triển hạ tầng và các khu đô thị, nông thôn mới.

2. Yêu cầu

a) Việc triển khai lập quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh phải đảm bảo tuân thủ theo quy định về pháp luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

b) Trong năm 2025: Ưu tiên lập các hồ sơ quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xã (đối với các xã sau sắp xếp vẫn đang sử dụng quy hoạch nông thôn mới), quy hoạch phân khu tại các khu vực đô thị hiện hữu, đô thị mở rộng, khu vực động lực phát triển, khu vực hình thành đô thị có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các khu vực có nhu cầu cấp bách về thu hút đầu tư.

c) Trong năm 2026: Triển khai lập quy hoạch chung cho tất cả các xã, phường còn lại, đảm bảo phê duyệt trong năm 2026.

d) Rà soát, kế thừa các đồ án quy hoạch đã được duyệt, đồng thời điều chỉnh, cập nhật phạm vi, ranh giới theo tổ chức đơn vị hành chính cấp xã mới sau sắp nhập tỉnh.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

Kế hoạch triển khai thực hiện trên toàn bộ 95 phường, xã thuộc tỉnh Đồng Nai trong giai đoạn 2025 - 2026, trong đó gồm **104 quy hoạch** bao gồm:

- Quy hoạch chung đô thị: 21 quy hoạch.

- Quy hoạch chung xã: 43 quy hoạch (riêng xã Lộc Thạnh mới nằm hoàn toàn trong phạm vi khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư, do đó không tổ chức lập riêng quy hoạch chung xã Lộc Thạnh theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn).

- Quy hoạch phân khu: 40 quy hoạch.

Được chia thành 02 giai đoạn thực hiện, cụ thể như sau:

1. Năm 2025

Thực hiện lập các hồ sơ quy hoạch tập trung các vùng trung tâm đô thị, vùng động lực phát triển của tỉnh; bao gồm các quy hoạch phân khu và quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xã (đối với các xã sau sắp xếp vẫn đang sử dụng quy hoạch nông thôn mới), khu vực phát triển hình thành đô thị đang phát triển mạnh; tập trung hoàn thiện hạ tầng giao thông, dịch vụ công, khu công nghiệp - đô thị; các xã/phường ưu tiên và các phân khu trọng điểm để khởi động các dự án quan trọng, tạo hiệu ứng lan tỏa đến các khu vực kế cận.

Số lượng: **47 quy hoạch**, bao gồm:

- a) 12 quy hoạch chung đô thị.

- b) 14 quy hoạch chung xã.

- c) 21 quy hoạch phân khu đô thị.

* Tiến độ phê duyệt các quy hoạch: Trong quý II/2026.

(Chi tiết tại phụ lục 1 kèm theo)

2. Năm 2026

Thực hiện hoàn thành lập quy hoạch cho các quy hoạch còn lại, hoàn thiện các xã/phường đảm bảo phủ kín quy hoạch; rà soát và điều chỉnh (nếu có), đánh

giá hiệu quả, chuẩn bị cơ sở dữ liệu quy hoạch cho giai đoạn tiếp theo.

Số lượng: **57 quy hoạch**, bao gồm:

- a) 09 quy hoạch chung đô thị.
- b) 29 quy hoạch chung xã.
- c) 19 quy hoạch phân khu đô thị

* Tiến độ phê duyệt các quy hoạch: Trong năm 2026.

(Chi tiết tại phụ lục 2 kèm theo)

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Khái toán kinh phí lập quy hoạch cho giai đoạn 2025-2026 khoảng **478.000.000.000 đồng**, không tính 04 hồ sơ quy hoạch chung đô thị đã duyệt nhiệm vụ quy hoạch, đã giao kinh phí thực hiện¹; 02 hồ sơ quy hoạch phân khu do Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh đang tổ chức lập²; có 06 hồ sơ quy hoạch đã duyệt nhiệm vụ quy hoạch, đã giao kinh phí thực hiện, việc tính ước kinh phí điều chỉnh quy hoạch (nếu có) sẽ thực hiện sau khi rà soát ranh giới để điều chỉnh phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch³;

*** Lưu ý:**

- *Dự ước kinh phí lập quy hoạch: Theo kế hoạch chỉ ước tính dự trù mức kinh phí cho công tác lập quy hoạch, dự toán cụ thể sẽ được xác định cụ thể khi thiết lập đối với từng hồ sơ quy hoạch.*

- *Kinh phí ước tính dựa trên các văn bản, quy định liên quan tại thời điểm lập kế hoạch⁴; kinh phí cụ thể sẽ được tính toán tại thời điểm triển khai lập quy hoạch theo đúng quy định hiện hành tại thời điểm đó.*

(Chi tiết tại phụ lục 1 và phụ lục 2)

2. Nguồn vốn: Nguồn ngân sách nhà nước theo tiến độ thực hiện nhiệm vụ và khả năng cân đối; nguồn lực hỗ trợ hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn và nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

¹ Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Biên Hòa; điều chỉnh quy hoạch chung đô thị mới Nhơn Trạch; quy hoạch chung đô thị Trảng Bom; quy hoạch chung đô thị Long Thành;

² Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị - dịch vụ Long Thành tại xã An Phước; quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực cửa ngõ phía Tây Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

³ Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Biên Hòa; quy hoạch chung đô thị Trảng Bom; quy hoạch chung đô thị Long Thành.

⁴ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quy hoạch đô thị và nông thôn; Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn; Thông tư số 35/2025/TT-BTC ngày 31/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch; Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng.

1. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành; UBND các phường, xã và các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện:

- a) Thẩm định các hồ sơ quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh.
- b) Đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị tổ chức lập quy hoạch đô thị và nông thôn trong quá trình triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ đề ra tại Kế hoạch này.
- c) Theo dõi tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này.

2. Sở Tài chính

- a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định.
- b) Hướng dẫn tiếp nhận nguồn lực hỗ trợ hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn; hình thức lựa chọn đơn vị tư vấn tổ chức lập quy hoạch theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

3. Sở Nội vụ

Rà soát, tham mưu bố trí nguồn nhân sự có chuyên môn nghiệp vụ để Sở Xây dựng, UBND các xã, phường đủ điều kiện thực hiện việc tham mưu tổ chức lập, thẩm định trình phê duyệt, hoặc phê duyệt các quy hoạch thuộc thẩm quyền và các nhiệm vụ được giao.

4. Các Sở, Ban, ngành liên quan

- a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp chặt chẽ với Sở Xây dựng, UBND các phường, xã, đơn vị tổ chức lập quy hoạch đô thị và nông thôn trong quá trình triển khai thực hiện lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn.
- b) Chủ động rà soát và đề xuất chủ trương lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết cho từng khu vực, dự án cụ thể trong quá trình soát xét các quỹ đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất.

5. Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế

a) Khẩn trương rà soát, tham mưu điều chỉnh quy hoạch chung Khu Kinh tế cửa khẩu Hoa Lư. Trong quá trình lập điều chỉnh quy hoạch chung Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư phải thể hiện đầy đủ nội dung định hướng phát triển của xã Lộc Thạnh.

b) Rà soát lập, phê duyệt quy hoạch phân khu các khu công nghiệp theo quy hoạch tỉnh được duyệt làm cơ sở lựa chọn nhà đầu tư. Chủ động thực hiện việc lựa chọn đơn vị tư vấn lập quy hoạch theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định có liên quan.

6. Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh chủ trì thực hiện các quy hoạch

a) Quy hoạch chung đô thị liên phường; quy hoạch chung đô thị mới có phạm vi quy hoạch liên quan đến địa giới đơn vị hành chính của từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc trở lên.

b) Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết của khu vực có phạm vi quy hoạch liên quan đến địa giới đơn vị hành chính của từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc trở lên.

c) Tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn lập quy hoạch theo quy định của Luật Đấu thầu và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

7. UBND các xã, phường

a) Chủ trì thực hiện lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn có phạm vi quy hoạch thuộc địa giới đơn vị hành chính do mình quản lý. Chủ động tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn lập quy hoạch theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định có liên quan.

b) Phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh trong triển khai thực hiện lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị có liên quan.

c) Chủ động rà soát và đề xuất chủ trương lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết cho từng khu vực, dự án cụ thể trong quá trình soát xét các quỹ đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất.

d) Chủ động sắp xếp nguồn nhân lực và kiến nghị bổ sung các cán bộ, nhân sự có chuyên môn nghiệp vụ đủ điều kiện thực hiện việc tham mưu tổ chức lập, thẩm định trình phê duyệt các quy hoạch thuộc thẩm quyền và các nhiệm vụ được giao.

Trên đây là Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai lập quy hoạch đô thị và nông thôn giai đoạn 2025-2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; yêu cầu các Sở, ban, ngành; UBND các phường, xã nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Xây dựng) để có chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các phường, xã;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, TH, KTN.

N.T.Nh.

CHỦ TỊCH



Võ Tấn Đức

DANH MỤC LẬP QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ, QUY HOẠCH CHUNG XÃ, QUY HOẠCH PHÂN KHU NĂM 2025
Phụ lục 1
 (kèm theo Kế hoạch số 471.../KH-UBND ngày 14.. tháng 11 năm 2025)



STT	Tên quy hoạch	Tỷ lệ lập quy hoạch	Diện tích lập quy hoạch (ha)	Ghi chú
	Quy hoạch chung đô thị			
1	Quy hoạch chung đô thị Long Thành	1/10.000	43.000	đang thực hiện
2	Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung đô thị Biên Hòa	1/10.000	35.196	
3	Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung đô thị mới Nhơn Trạch.	1/10.000	37.678	
4	Quy hoạch chung đô thị Trảng Bom	1/10.000	30.833	
5	Quy hoạch chung đô thị mở rộng gồm phường Đồng Xoài, Bình Phước và xã Đồng Phú	1/10.000	30.637	Đánh giá đạt các tiêu chí tại điểm d khoản 1 Điều 7 Nghị định 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn
6	Quy hoạch chung đô thị mới Lộc Ninh (có khu vực chồng lấn khu kinh tế cửa khẩu cần phải đáp ứng sự đồng bộ và thống nhất tại khu vực chồng lấn theo khoản 2 Điều 5 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn)	1/10.000	22.473	
7	Quy hoạch chung đô thị mới Tân Khai	1/10.000	16.179	
8	Quy hoạch chung đô thị mới Trị An	1/10.000	66.046	

STT	Tên quy hoạch	Tỷ lệ lập quy hoạch	Diện tích lập quy hoạch (ha)	Ghi chú
9	Quy hoạch chung đô thị phường Phước Bình và phường Phước Long	1/10.000	14.444	
10	Quy hoạch chung đô thị mới Phú Riêng	1/10.000	11.737	
11	Quy hoạch chung đô thị mới Cẩm Mỹ - Xuân Quế	1/10.000	20.605	
12	Quy hoạch chung đô thị mở rộng phường Minh Hưng, Chơn Thành, Xã Nha Bích	1/10.000	36.114	Tờ trình số 25/TT-UBND ngày 07/8/2025 của UBND xã Nha Bích
	Quy hoạch chung xã			
1	Quy hoạch chung xã Xuân Hòa	1/10.000	30.596	
2	Quy hoạch chung xã Tân Quan	1/10.000	14.831	
3	Quy hoạch chung xã Minh Đức	1/10.000	16.711	
4	Quy hoạch chung xã Đồng Tâm	1/10.000	24.878	
5	Quy hoạch chung xã Thuận Lợi	1/10.000	16.723	
6	Quy hoạch chung xã Lộc Tấn	1/10.000	18.336	Có khu vực chống lấn khu kinh tế của khẩu cần phải đáp ứng sự đồng bộ và thống nhất tại khu vực chống lấn theo khoản Điều 5 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

STT	Tên quy hoạch	Tỷ lệ lập quy hoạch	Diện tích lập quy hoạch (ha)	Ghi chú
7	Quy hoạch chung xã Bù Gia Mập đến 2035 đã được duyệt nhiệm vụ quy hoạch, hiện đang lập quy hoạch nhưng chưa được phê duyệt, tiếp tục rà soát phê duyệt năm 2025	1/10.000	34.251	
8	Quy hoạch chung xã Phú Nghĩa	1/10.000	27.940	
9	Quy hoạch chung xã Thọ Sơn		30.769	
10	Quy hoạch chung xã Lộc Quang	1/10.000	10.495	
11	Quy hoạch chung xã Tân Tiến	1/10.000	14.747	
12	Quy hoạch chung xã Đa Kìa	1/10.000	19.625	
13	Quy hoạch chung xã Đak Nhau	1/10.000	18.247	
14	Quy hoạch chung xã Tân Hưng	1/10.000	20.466	
15	Xã Lộc Thạnh		12.549	xã Lộc Thạnh mới nằm hoàn toàn trong phạm vi Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư, do đó không tổ chức lập riêng quy hoạch chung xã Lộc Thạnh theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. Điều chỉnh quy hoạch

STT	Tên quy hoạch	Tỷ lệ lập quy hoạch	Diện tích lập quy hoạch (ha)	Ghi chú
	Quy hoạch phân khu			chung Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư phải thể hiện đầy đủ nội dung định hướng phát triển của xã Lộc Thành
1	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phường Phước Tân	1/2.000	4.283	Đã có chủ trương
2	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phường Trần Biên	1/2.000	3.100	Đã có chủ trương
3	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phường Biên Hòa	1/2.000	2.150	Đã có chủ trương
4	Lập trước Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phân khu Đại Phước 1 phạm vi động lực theo Nghị quyết 66.1	1/2.000	3131	Đã có chủ trương
5	Lập trước Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phân khu Phước An 1 phạm vi động lực theo Nghị quyết 66.1	1/2.000	2400	Đã có chủ trương
6	Lập trước quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phân khu Nhơn Trạch 1 phạm vi động lực theo Nghị quyết 66.1	1/2.000	1660	Đã có chủ trương. Kết quả thẩm định dự toán kinh phí của Sở Xây dựng tại Tờ Trình số 116/TT-Tr-SXD ngày 27/9/2025
7	Lập quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị - dịch vụ Long Thành tại xã An Phước	1/2.000	2082	Đã duyệt nhiệm vụ
8	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu tổ hợp đổi mới sáng tạo xã Bình An tổ hợp đổi mới	1/2.000	300	Đã có chủ trương
9	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Công nghệ thông tin tập trung Long Thành tại xã An Phước và Bình An	1/2.000	119,35	Đã có chủ trương

STT	Tên quy hoạch	Tỷ lệ lập quy hoạch	Diện tích lập quy hoạch (ha)	Ghi chú
10	Quy hoạch phân khu 1/2000 khu vực cửa ngõ phía Tây Cảng hàng không quốc tế Long Thành (khoảng 6.483 ha) (tại xã Long Thành và Long Phước)	1/2.000	6.483	Đã có chủ trương
11	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phạm vi toàn bộ xã Trảng Bom	1/2.000	6.877	
12	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phường Trảng Dài	1/2.000	3.729	
13	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phân khu Đại Phước 2	1/2.000	3.082,19	
14	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phân khu Đại Phước 3	1/2.000	3.587,43	
15	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phân khu Phước An 2	1/2.000	3.949,00	
16	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phân khu Phước An 3	1/2.000	3.611,00	
17	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phân khu Nhon Trạch 2	1/2.000	5.189	
18	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phân khu Nhon Trạch 3	1/2.000	2.006	
19	Quy hoạch phân khu 1/2000 khu đô thị suối Cam. (đang lập quy hoạch)	1/2.000	2.080	
20	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị thương mại, dịch vụ Long Thành, tại xã Long Thành	1/2.000	4.753	
21	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu nông nghiệp Công nghệ cao xã Thuận Lợi Địa điểm: Xã Thuận Lợi, tỉnh Đồng Nai	1/2.000	1.400	

Lưu ý: - Tên cụ thể các đồ án quy hoạch, quy mô, phạm vi, ranh giới sẽ được rà soát đánh giá xem xét đề xuất cụ thể khi xây dựng chủ trương và lập nhiệm vụ quy hoạch;



Phụ lục 2
DANH MỤC LẬP QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ - QUY HOẠCH CHUNG XÃ - QUY HOẠCH PHÂN KHU NĂM 2026
(kèm theo Kế hoạch số 47.1.../KH-UBND ngày 14.. tháng 11 năm 2025)

TT	Tên quy hoạch	Tỷ lệ lập quy hoạch	Diện tích lập QH (ha)	Ghi chú
	Quy hoạch chung đô thị			
1	Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung đô thị Long Khánh (mở rộng thêm phạm vi xã Xuân Thiện) - giai đoạn 2026	1/10.000	22.417	
2	Quy hoạch chung đô thị mới Tân Phú	1/10.000	10.581	
3	Quy hoạch chung đô thị mới Định Quán	1/10.000	29.582	
4	Quy hoạch chung đô thị mới Xuân Lộc	1/10.000	14.050	
5	Quy hoạch chung đô thị mới Dầu Giây	1/10.000	9.887	
6	Quy hoạch chung đô thị mới Tân Lợi	1/10.000	37.978	
7	Quy hoạch chung đô thị mới Thiện Hưng	1/10.000	11.097	
8	Quy hoạch chung liên phường phường Bình Long - phường An Lộc	1/10.000	13.788	
9	Quy hoạch chung đô thị mới Bù Đăng	1/10.000	15.614	
	Quy hoạch chung xã			
1	Quy hoạch chung xã Gia Kiệm	1/10.000	8.272	
2	Quy hoạch chung xã Thống Nhất	1/10.000	12.007	
3	Quy hoạch chung xã Xuân Định	1/10.000	5.229	

TT	Tên quy hoạch	Tỷ lệ lập quy hoạch	Diện tích lập QH (ha)	Ghi chú
4	Quy hoạch chung xã Xuân Phú	1/10.000	5.563	
5	Quy hoạch chung xã La Ngà	1/10.000	13.345	
6	Quy hoạch chung xã Phú Lâm	1/10.000	6.735	
7	Quy hoạch chung xã Tân An	1/10.000	8.024	
8	Quy hoạch chung xã Sông Ray	1/10.000	6.560	
9	Quy hoạch chung xã Xuân Đông	1/10.000	10.797	
10	Quy hoạch chung xã Thanh Sơn	1/10.000	31.540	
11	Quy hoạch chung xã Tà Lài	1/10.000	8.334	
12	Quy hoạch chung xã Nam Cát Tiên	1/10.000	8.293	
13	Quy hoạch chung xã Dak Lua	1/10.000	41.513	
14	Quy hoạch chung xã Phú Lý	1/10.000	27.900	
15	Quy hoạch chung xã Lộc Thành	1/10.000	20.610	
16	Quy hoạch chung xã Lộc Hưng	1/10.000	9.902	
17	Quy hoạch chung xã Hưng Phước	1/10.000	18.719	
18	Quy hoạch chung xã Dak O	1/10.000	24.649	

TT	Tên quy hoạch	Tỷ lệ lập quy hoạch	Diện tích lập QH (ha)	Ghi chú
19	Quy hoạch chung xã Phú Trung	1/10.000	17.203	
20	Quy hoạch chung xã Nghĩa Trung	1/10.000	22.204	
21	Quy hoạch chung xã Phước Sơn		38.656	
22	Quy hoạch chung xã Bom Bo	1/10.000	24.587	
23	Quy hoạch chung xã Xuân Thành	1/10.000	12.271	
24	Quy hoạch chung xã Xuân Bắc	1/10.000	9.644	
25	Quy hoạch chung xã Phú Vinh	1/10.000	6.945	
26	Quy hoạch chung xã Phú Hòa	1/10.000	6.153	
27	Quy hoạch chung xã Long Hà	1/10.000	16.838	
28	Quy hoạch chung xã Phước Sơn	1/10.000	38.656	
29	Quy hoạch chung xã Bình Tân	1/10.000	19.089	
	Quy hoạch phân khu			
1	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phường Long Hưng	1/2.000	3.240	
2	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phường Tam Hiệp	1/2.000	1.080	
3	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phường Tam Phước	1/2.000	4.509	

TT	Tên quy hoạch	Tỷ lệ lập quy hoạch	Diện tích lập QH (ha)	Ghi chú
4	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phường Long Bình	1/2.000	4.491	
5	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 dự án sân gôn kết hợp khu đô thị, dịch vụ du lịch và nghỉ dưỡng tại xã Nha Bích	1/2.000	177,64	Đã có chủ trương và phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch
6	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phường Hồ Nai	1/2.000	2.285	
7	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phường Tân Triều	1/2.000	6.332	
8	Điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phường Bình Lộc (mở rộng thêm phạm vi xã Xuân Thiện) giai đoạn thực hiện duyệt sau khi điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung đô thị Long Khánh được duyệt	1/2.000	7.721,00	
9	Quy hoạch phân khu Phước An 4 không lập do là phạm vi rừng ngập mặn (chỉ lập quy hoạch phân khu 1/2000 trong phạm vi ranh giới Khu di tích Bia Tường Niệm Trung Đoàn 10 Đặc Công Rừng Sặc đã được Bộ Văn hóa công nhận)	1/2.000	396,00	
10	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phạm vi toàn bộ xã Xuân Đường	1/2.000	8.211	
11	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phạm vi diện tích còn lại xã an Phước	1/2.000	3.750	
12	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phạm vi diện tích còn lại xã Bình An	1/2.000	5.641	
13	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 xã Phước Thái	1/2.000	8.586	
14	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực còn lại xã Long Phước	1/2.000	4.435	
15	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phạm vi diện tích còn lại (diện tích xã Long Thành mới trừ diện tích xã Long An cũ)	1/2.000	5.273	
16	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phạm vi toàn bộ xã An Viễn	1/2.000	4.774	
17	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phạm vi toàn bộ xã Bình Minh	1/2.000	3.668	

TT	Tên quy hoạch	Tỷ lệ lập quy hoạch	Diện tích lập QH (ha)	Ghi chú
18	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phạm vi toàn bộ xã Bầu Hầm	1/2.000	9.750	
19	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phạm vi toàn bộ xã Hưng Thịnh	1/2.000	5.764	